TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Lê Quang Đầy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tạ Phùng T, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HG, xã TGĐ, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Tăng Tấn L – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HG, xã TGĐ, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tạ Phùng T trình bày: Ông và bà N kết hôn theo phong tục tập quán vào năm 1976, đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đến năm 2004 xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, trong cuộc sống không hạnh phúc nên ly thân cho đến nay. Trong quá trình ly thân ông bà cũng không hàn gắn được tình

cảm vợ chồng. Nay ông xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên kiện xin ly hôn với bà N.

Quá trình chung sống ông bà có 04 con chung tên Tạ Thị L - sinh năm 1977, Tạ Văn K - sinh năm 1981, Tạ Thị B - sinh năm 1981 và Tạ Văn T - sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung ông xác định tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; bà N đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện kết hôn năm 1976 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội, thì ông T và bà N kết hôn trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Về mâu thuẫn thì ông T xác định quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà N đã biết ông T kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bà N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông T đặt ra. Như vậy, giữa ông T và bà N đã từ lâu không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 04 con chung hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tạ Phùng T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T và không đặt ra xem xét phần con chung, tài sản và công nợ là có cơ sở được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ cho ông là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T. Cho ông Tạ Phùng T được ly hôn với bà Lê Thị N.

2. Án phí hôn nhân gia đình miễn toàn bộ cho ông T.

3. Ông T và bà N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên